

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177 /2020/HSST

Ngày: 18 / 8 /2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Xuân Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang và ông Nguyễn Huy Giáp.

- Đại diện VKSND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Vòng A Chi- Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh- Thảm tra viên TAND huyện Trảng Bom.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số : 146/2020/TLST-HS, ngày 08/6/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐST-HS, ngày 07/7/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2020/TB-TA, ngày 04/8/2020 đối với bị cáo:

Lê Thanh T, sinh năm 1984, tại tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: tổ 10, khu phố 2, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: làm thuê; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm 1953 và bà Đào Thị T, sinh năm 1967; vợ: Lê Thị Thanh M, sinh năm 1985 (đã ly hôn), bị cáo có một con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại Tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Huệ Ch, sinh năm 1983- trú tại: khu y, ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, có mặt tại Tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trịnh Thế Th, sinh năm 1987, trú tại: x, ấp Bạch Lâm 1, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, có mặt tại Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 4/2019, Lê Thanh T đến sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Huệ Ch trú tại ấp Thuận Hòa, xã Sông Theo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Đến tháng 9/2019, Lê Thanh T gặp và nhờ một người đàn ông không rõ nhân thân là giả cho T một giấy phép lái xe hạng B1 và một chứng minh nhân dân mang tên Lê Hoàng Liêm (dán ảnh của T và giấy tờ giả) với giá 1.000.000 đồng, để T đi lái

xe thuê. Trong quá trình chung sống với nhau, chị Ch có chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 60A-615.40 để chạy dịch vụ và thường nhờ T điều khiển xe chở khách khi có người thuê ô tô. Vào ngày 01/11/2019, T gặp và được người bạn tên Thạch A Bu không rõ nơi cư trú rủ T góp số tiền 50.000.000 đồng để kinh doanh T đồng ý, nhưng do không có tiền nên T nảy sinh ý định lấy xe ô tô của chị Ch để cầm số lấy số tiền 50.000.000 đồng để góp vốn làm ăn với Thạch A Bu. Vào khoảng 8 giờ ngày 02/11/2019 T đến gặp anh Nguyễn Thanh T1 là bạn làm nghề lái xe (anh T1 không biết tên thật của T mà chỉ biết tên là Liêm) tại quán cà phê ở xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, Đồng Nai hỏi mượn anh Toàn số tiền 50.000.000 đồng, nhưng anh Toàn không có tiền và giới thiệu T đến gặp anh Trịnh Thế Th để vay tiền. Sau đó T gặp chị Ch và nói có người thuê xe đi từ trưa ngày 02/11/2019 đến trưa ngày 03/11/2019 với giá 2.700.000 đồng, nên chị Ch đưa cho T số tiền 500.000 đồng để đổ xăng. Sau đó T điều khiển xe ô tô đến ấp Bạch Lâm 1, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, Đồng Nai gặp anh Trịnh Thế Th để cầm xe ô tô cho anh Th, T nói dối anh Th là xe ô tô do vợ T đứng tên, anh Th thấy T bạn của anh T1 nên không kiểm tra giấy tờ xe, anh Th cho T vay 50.000.000 đồng và T viết giấy vay tiền với tên Lê Hoàng Liêm và giao xe ô tô cho anh Th thế chấp vay tiền. Sau khi vay được tiền, T thuê xe đi lên huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh gặp Thạch A Bu để góp tiền làm ăn. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, cho Ch liên hệ với T nhưng không được nên mở định vị và biết xe ô tô đang ở huyện Thống Nhất nên chị Ch đến gặp anh Th và được biết T đã cầm xe chiếc xe ô tô của chị Ch cho anh Th, nên chị Ch đã đến Công an xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất trình báo, anh Trịnh Thế Th đã tự nguyện giao nộp xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 60A-615.40 cho Công an xã Gia Tân 2 để xử lý. Sau khi cầm xe lấy tiền làm ăn với Thạch A Bu và bị A Bu lừa mất tiền, T tắt điện thoại không liên lạc được nên ngày 04/11/2019 chị Ch đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của Lê Thanh T.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom kết luận: 01 xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 60A-615.40 trị giá 416.700.000 đồng.

Ngày 13/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Thanh T để điều tra về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 174- Bộ luật hình sự, quá trình điều tra T đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Ngày 14/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 60A-615.40 cho chị Nguyễn Thị Huệ Ch, chị Ch đã nhận và không có yêu cầu gì khác.

Về dân sự: anh Trịnh Thế Th yên cầu Lê Thanh T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, hiện nay T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 122-CT/VKS-TB, ngày 23/ 4/ 2020 và Văn bản số 317/CV/VKS-TB, ngày 05/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Lê Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174- Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và ăn năn về hành vi phạm tội của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Qua xét hỏi thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với nội dung vụ án vì vậy bản cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, do đó đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 174- Bộ luật hình sự, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù.

- Buộc bị cáo bồi thường cho anh Th 50 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh và Điều luật áp dụng:

Trên cơ sở nội dung vụ án và lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa thì thấy: Do cần tiền để góp vốn làm ăn nên Lê Thanh T nảy sinh ý định lấy xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 60A-615.40 của chị Nguyễn Thị Huệ Ch đi cầm cố, T đã dùng hành vi gian dối để lấy chiếc xe ô tô của chị Nguyễn Thị Huệ Ch sau đó đem đi cầm cố cho anh Trịnh Thế Th để lấy số tiền 50.000.000 đồng. Lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra: Như vậy tài sản mà bị cáo dùng hành vi gian dối để có được là chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 60A-615.40 trị giá 416.700.000 đồng của chị Nguyễn Thị Huệ Ch, không phải số tiền 50.000.000 đồng như cáo trạng đã truy tố. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174- Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy cần xử phạt bị cáo với mức án đủ nghiêm nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và cũng đề răn đe phòng ngừa chung.

[2]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, có ông, bà là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân, Huy chương đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3]. Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 60A-615.40 cho chị Nguyễn Thị Huệ Ch, chị Ch đã nhận và không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét.

- Khi cầm xe anh Trịnh Thế Th không biết xe do bị cáo phạm tội mà có, nên không xử lý hành vi này của anh Th là phù hợp.

- Về dân sự: Anh Trịnh Thế Th yêu cầu Lê Thanh T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, hiện nay T chưa bồi thường, nên cần buộc bị cáo bồi thường cho Th số tiền trên.

- Hành vi dùng giấy phép lái xe và chứng minh nhân dân giả của bị cáo, do tự bị cáo khai nhận, không thu giữ được và không ai thấy, biết nên không có cơ sở xử lý hành vi này của bị cáo.

[4]. Quá trình khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ban hành các quyết định tố tụng, lấy lời khai, hỏi cung bị can đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên việc truy tố là chưa phù hợp với tính chất và tình tiết định khung hình phạt.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát thì thấy chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 135- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 586 và Điều 589- Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo: Lê Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

-Xử phạt bị cáo **Lê Thanh T 07 (Bảy) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trịnh Thế Th số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lê Xuân Phong

Nơi nhận

- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã, phường
nơi bị cáo cư trú;
- VKSND huyện;
- Cơ quan điều tra;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu h/s, án văn.

